BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số (N^0): 0005/VAQ18 - 01/23 - 00

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ô TÔ SẢN XUẤT, LẮP RÁP

TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR AUTOMOBILES

Cấp theo Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký số: 0069/23/AH Ngày: 07.02.2023
Pursuant to the Technical document N 0 *Date*

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 09 : 2015/BGTVT; QCVN 109 : 2021/BGTVT
Standard, regulation applied

Căn cứ vào báo cáo kết quả đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng số: 92020/01/01/20/01 Ngày: 06.04.2020
Pursuant to the results of COP examination Report N 0 *Date*

Căn cứ vào báo cáo kết quả thử nghiệm số: 1268/BCTN-TO/22 Ngày: 29.11.2022; 8734/NETC-V/23/C Ngày: 06.02.2023
Pursuant to the results of Testing Report N 0 *Date*

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

General Director of Vietnam Register hereby approves that

Loại phương tiện *(Vehicle type)*: Ô tô tải VAN
Nhãn hiệu *(Mark)*: THACO
Tên thương mại *(Trade mark)*: FRONTIER TF480V 5S
Mã kiểu loại *(Model code)*: TV25B32R122
Mã số khung *(Frame number code)*: RNHV25TDC*T
Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*: 1.400 kg
Phân bố khối lượng bản thân lên các trục *(Distribution on axles)*: 675/ 725 kg
Số người cho phép chở kể cả người lái (ngồi + đứng + nằm + xe lăn) *(Seating capacity including driver)*: 05 người
Khối lượng chuyên chở thiết kế lớn nhất *(Maximum design pay load)*: 750 kg
Khối lượng chuyên chở cho phép lớn nhất *(Maximum authorized pay load)*: 750 kg
Khối lượng toàn bộ thiết kế lớn nhất *(Maximum design total mass)*: 2.475 kg
Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất *(Maximum authorized total mass)*: 2.475 kg
Phân bố khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất lên các trục *(Distribution on axles)*: 865/ 1.610 kg
Khối lượng kéo theo theo thiết kế lớn nhất/ cho phép lớn nhất *(Max.Towed mass: Design/ Authorized)*: ---/--- kg
Kích thước xe: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*: 4.800 x 1.690 x 2.000 mm
Kích thước lòng thùng xe/ bao ngoài xi téc *(Inside cargo/ Outside of tank: L x W x H)*: 1.905 x 1.505 x 1.240 mm
Khoảng cách trục *(Wheel spase)*: 3.135 mm
Số trục xe *(Number of axles)*: 2
Công thức bánh xe *(Drive configuration)*: 4 x 2
Vết bánh xe các trục *(Axles track)*: 1.442/ 1.455 mm
Kiểu động cơ *(Engine model)*: DAM16KR
Loại *(Type)*: 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng
Thể tích làm việc *(Displacement)*: 1.597 cm^3
Loại nhiên liệu *(Fuel)*: Xăng không chì có trị số ốc tan ≥ 95
Công suất lớn nhất/ tốc độ quay *(Max. output/ rpm)*: 90 kW/ 6.000 vòng/ phút
Số lượng, cỡ lốp: Trục 1(Alex 1st): 02; 195/70R15 Trục 2 (Alex 2nd): 02; 195/70R15 Trục 3 (Alex 3rd):
(Qty, tyre size) Trục 4(Alex 4th): Trục 5 (Alex 5th):
Hệ thống lái *(Driver system)*: Bánh răng - Thanh răng; Cơ khí có trợ lực điện
Hệ thống phanh chính *(Service braking system)*: Phanh đĩa/Tang trống; Thuỷ lực, trợ lực chân không
Hệ thống phanh đỗ xe *(Parking braking system)*: Tác động lên bánh xe trục 2; Cơ khí
Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: Công ty TNHH MTV sản xuất và lắp ráp xe tải THACO
(Name and address of manufacturer) KCN cơ khí ô tô Chu Lai Trường Hải, X. Tam Hiệp, H. Núi Thành, T. Quảng Nam
Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp: Công ty TNHH MTV sản xuất và lắp ráp xe tải THACO
(Name and address of assembly plant) KCN cơ khí ô tô Chu Lai Trường Hải, X. Tam Hiệp, H. Núi Thành, T. Quảng Nam
Kiểu loại xe nói trên thoả mãn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia *(The motor vihicle type is in compliance with)*: QCVN 09 : 2015/BGTVT
Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến hết ngày *(This certificate is valid until)*: 16.02.2026

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 (Date)
CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
General Director of Vietnam Register

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Tô An